TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 562/2026/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 714/2026/TLST-VHNGĐ ngày 30/7/2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Căn cước công dân: 089194021092. Địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, tỉnh An Giang. Địa chỉ tạm trú: HLF9.10.01, khu N, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1995. Căn cước công dân: 089095005592. Địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp H, xã A, tỉnh An Giang. Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ H, tổ C, khu phố E, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là UBND xã A, tỉnh An Giang) vào ngày 25/06/2024 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 25 tháng 6 năm 2024. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung*: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm*: Bà T và ông N mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận..

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hoài N mỗi người nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005085 ngày 27/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15-TP. Hồ Chí Minh;
- CCTHADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã An Châu, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

TAND KHU VỰC 15

WOQ100826.TL.QDBA
2971